

ÔN TẬP CHỦ ĐỀ 6,7

Môn học: KHTN/ Sinh – Lớp 6

Ngày soạn: 20/10/2024; Tiết (theo PPCT): 15

Thời gian thực hiện: 01 tiết

I. MỤC TIÊU: Qua bài này, HS cần đạt được:

1. Kiến thức

- Hệ thống hóa được kiến thức cơ bản qua các bài của chủ đề 6,7.
- Vận dụng kiến thức để giải một số bài tập của chủ đề 6,7.

2. Năng lực

2.1. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: Chủ động, tích cực thực hiện việc ôn tập và hệ thống hoá kiến thức của chủ đề;
- Giao tiếp và hợp tác: Lắng nghe, chia sẻ với bạn cùng nhóm để thực hiện nội dung ôn tập;
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Vận dụng linh hoạt các kiến thức, kỹ năng để giải quyết vấn đề liên quan trong thực tiễn và trong các nhiệm vụ học tập.

2.2. Năng lực khoa học tự nhiên

- Nhận thức khoa học tự nhiên: Hệ thống hoá được kiến thức về tế bào, về cơ thể đơn bào và cơ thể đa bào, thông qua đó chứng minh mọi cơ thể sống đều được cấu tạo từ tế bào.
- Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học: Vận dụng kiến thức đã học tham gia giải quyết các nhiệm vụ ôn tập.

3. Phẩm chất: Trung thực trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ và bài tập ôn tập.

*** Mục tiêu bài học đối với HSKT Phạm Nghĩa (Khuyết tật trí tuệ)**

1. Kiến thức: Viết được sơ đồ tư duy về tế bào và cơ thể sinh vật.

2. Năng lực

a. Năng lực chung: Tham gia hoạt động nhóm cùng các bạn.

b. Năng lực riêng: Viết được sơ đồ tư duy về tế bào và cơ thể sinh vật.

3. Phẩm chất: Có ý thức có trách nhiệm tham gia hoạt động cùng các bạn.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên: Kế hoạch bài dạy, bài giảng điện tử power point, công cụ zoom, zalo, azota,...

2. Học sinh: Vở ghi, sgk, đồ dùng học tập.

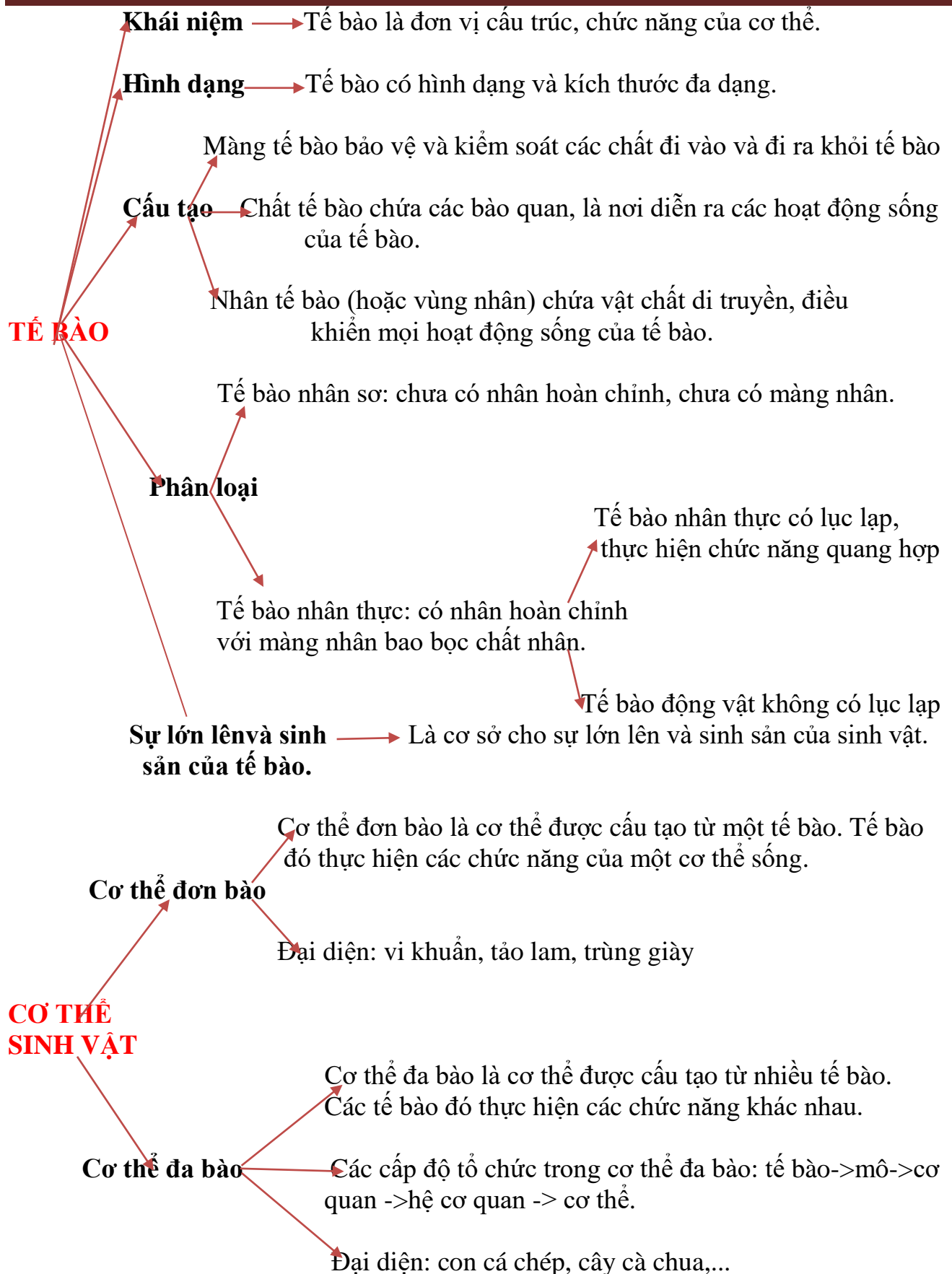
III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Hệ thống hoá kiến thức chủ đề 6,7

a) Mục tiêu: GV định hướng cho HS hệ thống hoá được kiến thức của chủ đề 6,7.

b) Nội dung: Học sinh vẽ được sơ đồ tư duy về tế bào và cơ thể sinh vật.

c) Sản phẩm: Sơ đồ tư duy về tế bào và cơ thể sinh vật.



d) Tổ chức thực hiện:

***B1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- Giao nhiệm vụ cho HS như nội dung (Học sinh thực hiện trước ở nhà)
- Hướng dẫn học sinh vẽ sơ đồ tư duy tổng kết chủ đề 6,7.

***B2: HS thực hiện nhiệm vụ**

- HS thực hiện nhiệm vụ vẽ sơ đồ tư duy trước ở nhà.

***B3: HS báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- Báo cáo chụp ảnh gửi qua zalo nhóm.

***B4: GV kết luận, nhận định**

- GV nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của học sinh, chọn một sản phẩm đầy đủ nhất để hệ thống hoá chủ đề 6,7.

2. Hoạt động 2. Làm bài tập

a) Mục tiêu: GV sử dụng phương pháp dạy học bài tập, định hướng cho HS giải quyết một số bài tập phát triển năng lực khoa học tự nhiên cho chủ đề 6,7.

b) Nội dung: HS giải được những câu hỏi và bài tập cơ bản nhằm ôn lại kiến thức đã học, giúp nắm vững và nhớ lâu hơn.

CHỦ ĐỀ 6

Câu 1: Chọn phương án trả lời đúng nhất cho các câu sau:

C.1: Tế bào có hình dạng như thế nào?

- A. Hình cầu, hình thoi.
- B. Hình đĩa, hình sợi.
- C. Hình sao, hình trụ.
- D. Nhiều hình dạng.**

C.2: Thành phần nào sau đây chứa các bào quan, là nơi diễn ra các hoạt động sống của tế bào?

- A. Nhân.
- B. **Chất tế bào.**
- C. Màng tế bào.
- D. Lục lạp.

C.3: Tế bào nhân thực khác với tế bào nhân sơ ở điểm nào sau đây?

- A. Có màng tế bào.
- B. Có chất tế bào.
- C. Có vùng nhân.
- D. Có nhân hoàn chỉnh.**

C.4: Thành phần nào sau đây có chức năng điều khiển hoạt động của tế bào?

- A. Nhân.**
- B. Tế bào chất.
- C. Màng tế bào.
- D. Lục lạp.

C.5: Tế bào sẽ ngừng lớn lên khi nào?

- A. Khi các tế bào vừa mới được sinh ra.
- B. Khi các tế bào đạt tới kích thước nhất định.**
- C. Khi các tế bào ở trong trạng thái sinh trưởng.
- D. Không có đáp án chính xác.

C.6: Từ 1 tế bào trưởng thành sau 4 lần phân chia liên tiếp sẽ tạo ra mấy tế bào con?

- A. 32.
- B. 4.
- C. 8.
- D. 16.**

C.7: Một con gà mới nở ra nặng 2g, khi trưởng thành có thể nặng 2,5 kg. Theo em, sự thay đổi này là do đâu?

- A. Do sự lớn lên của tế bào.
- B. Do sự lớn lên và sinh sản của tế bào.**
- C. Do sự sinh sản của tế bào.
- D. Do tế bào phân chia.

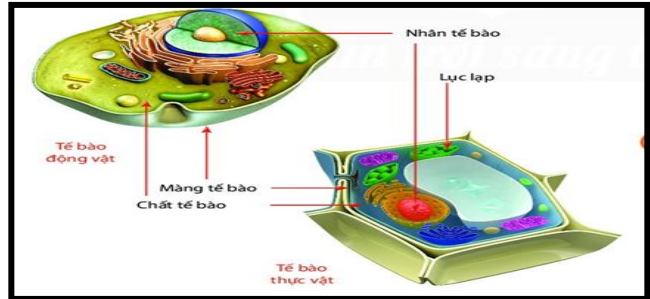
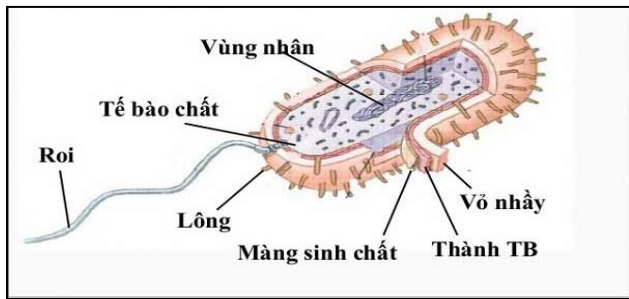
Câu 2: Cho ba tế bào kí hiệu lần lượt là (1), (2), (3) với thành phần cấu tạo như sau:

- a) Tế bào nào là tế bào nhân sơ? Tế bào nào là tế bào nhân thực? Tại sao?
- b) Tế bào nào là tế bào động vật? Tế bào nào là tế bào thực vật? Tại sao?

Tế bào	Vật chất di truyền	Màng nhân	Lục lạp
(1)	Có	Không	Không
(2)	Có	Có	Không
(3)	Có	Có	Có

Trong ba tế bào này:

Câu 3: Hình ảnh sau mô tả cấu tạo của ba tế bào (A), (B)



? Đặt tên cho các tế bào (A), (B) và cho biết tại sao em lại đặt như vậy?

? Nêu hai chức năng chính của màng tế bào.

Câu 4: Điền các thông tin còn thiếu vào bảng sau:

Thành phần cấu tạo nên tế bào	Chức năng
	Điều khiển mọi hoạt động sống của tế bào.
	Là nơi diễn ra các hoạt động sống của tế bào.
	Bảo vệ và kiểm soát các chất đi vào và đi ra khỏi tế bào.

Câu 5: Sự lớn lên và sinh sản của tế bào là một chuỗi các thay đổi về kích thước, số lượng các thành phần trong tế bào. Ở tế bào nhân thực, sự lớn lên là một giai đoạn chuẩn bị dài, sự sinh sản là quá trình tạo ra tế bào mới.

- a) Sự lớn lên của tế bào biểu hiện như thế nào?
- b) Sự sinh sản làm thay đổi số lượng thành phần nào của tế bào?
- c) Một tế bào sau khi sinh sản tạo thành mười sáu tế bào mới. Tế bào đó đã trải qua mấy lần sinh sản?
- d) Vẽ sơ đồ thể hiện mối quan hệ giữa sự lớn lên và sự sinh sản của tế bào.

c) Sản phẩm: Kết quả trả lời câu hỏi bài tập.

Câu 1: C.1- D; C.2- B; C.3- D; C.4 -A ; C.5 -B ; C.6 -D ; C.7-B

Câu 2:

a. (1) là tế bào nhân sơ; (2), (3) là tế bào nhân thực vì (1) không có màng nhân trong khi (2), (3) có màng nhân.

b. (2) là tế bào động vật, (3) là tế bào thực vật vì (2) không có lục lạp, (3) có lục lạp.

Câu 3: Điền các thông tin còn thiếu vào bảng sau:

Thành phần cấu tạo nên tế bào	Chức năng
Nhân tế bào	Điều khiển mọi hoạt động sống của tế bào.
Chất tế bào	Là nơi diễn ra các hoạt động sống của tế bào.
Màng tế bào	Bảo vệ và kiểm soát các chất đi vào và đi ra khỏi tế bào.
Màng nhân	Bao bọc khối vật chất di chuyển.

Câu 4:

a) Tế bào tăng nhanh về kích thước: màng tế bào giãn ra, chất tế bào nhiều thêm, nhân tế bào lớn dần.

b) Nhân tế bào.

c) Bốn lần.

d) Tế bào  Tế bào trưởng

thành  Tế bào mới.

d) Tổ chức thực hiện: GV gợi ý, định hướng, tổ chức cho làm việc cá nhân để làm bài tập vận dụng của chủ đề, đồng thời phát triển phẩm chất, năng lực của HS.

***B1: GV chuyển giao nhiệm vụ**

- GV yêu cầu hs thực hiện nhiệm vụ học bài tập.

***B2: HS thực hiện nhiệm vụ**

- HS thực hiện nhiệm vụ. GV gợi ý và hỗ trợ, giải đáp thắc mắc (nếu cần).

***B3: GV báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- Giáo viên mời cá nhân HS trình bày từng bài tập.

***B4: GV kết luận, nhận định**

- GV đánh giá, nhận xét hoạt động học tập của học sinh

- GV chuẩn hóa kiến thức, ghi điểm những HS làm bài tốt.

CHỦ ĐỀ 7

Câu 1: Chọn ý trả lời đúng nhất cho các câu sau:

C.1: Cơ thể đơn bào là cơ thể được cấu tạo từ mấy tế bào?

A. Hàng trăm tế bào.

B. Hàng nghìn tế bào.

C. Một tế bào.

D. Một số tế bào.

C.2: Vật sống nào sau đây không có cấu tạo cơ thể là đa bào?

A. Hoa hồng.

B. Hoa mai.

C. Hoa hướng dương.

D. Tảo lục.

C.3: Cấp độ thấp nhất hoạt động độc lập trong cơ thể đa bào là gì?

A. Hệ cơ quan.

B. Cơ quan.

C. Mô.

D. Tế bào.

C.4: Tập hợp các mô thực hiện cùng một chức năng là

A. tế bào.

B. mô.

C. cơ quan.

D. hệ cơ quan.

C.5: Hệ cơ quan ở thực vật bao gồm:

A. hệ rễ và hệ thân.

B. hệ thân và hệ lá.

C. hệ chồi và hệ rễ.

D. hệ cơ và hệ thân.

Câu 2: Điền khuyết.

C.1. Cơ thể sinh vật được tạo thành từ (1)... hay (2)... (3)... như trùng roi trùng biến hình, (4)... có kích thước hiển vi và số lượng cá thể nhiều.

(5)... có cấu tạo nhiều hơn một tế bào, ví dụ: động vật, thực vật, ...

C.2. Ở cơ thể đa bào (1).....phối hợp với nhau tạo thành các mô, cơ quan, hệ cơ quan (2).....là tập hợp các tế giống nhau cùng phối hợp thực hiện chức năng nhất định. Chẳng hạn, bộ não của bạn chủ yếu được tạo thành từ (3)....., gồm các tế bào thần kinh. Bộ não là một (4).....được hình thành từ các loại mô khác nhau và hoạt động cùng nhau như mô thần kinh, mô bì, (5).....Bộ não là một phần của hệ thần kinh, điều khiển các hoạt động của cơ thể. Vì vậy, (6).....

gồm nhiều cơ quan làm việc cùng nhau để thực hiện chức năng nhất định của cơ thể sống.

Câu 3: Trả lời câu hỏi tự luận

3.1. Nêu sự khác nhau giữa cơ thể đơn bào và cơ thể đa bào.

3.2. Trong thực tế, em có quan sát được trùng roi và vi khuẩn bằng mắt thường được không? Tại sao?

3.3. Nêu mối quan hệ giữa các cấp độ tổ chức trong cơ thể đa bào.

3.4. Điều gì sẽ xảy ra nếu như cây cà chua mất đi hệ rễ?

c) **Sản phẩm:** Kết quả trả lời câu hỏi bài tập.

Câu 1: C.1- C; C.2- D; C.3- D; C.4 -C ; C.5 -C

Câu 2: Điền khuyết.

C.1. (1) một tế bào, (2) nhiều tế bào, (3) Cơ thể đơn bào, (4) vi khuẩn, (5) Cơ thể đa bào.

C.2.(1) tế bào, (2) mô , (3) mô thần kinh , (4) cơ quan, (5) mô liên kết , (6) hệ cơ quan.

Câu 3:

3.1. Nêu sự khác nhau giữa cơ thể đơn bào và cơ thể đa bào.

*** Cơ thể đơn bào**

- Cơ thể cấu tạo từ một tế bào.

- Tế bào đó thực hiện được các chức năng của một cơ thể sống.

*** Cơ thể đa bào**

- Cơ thể cấu tạo từ nhiều tế bào.

- Các tế bào đó thực hiện các chức năng khác nhau trong cơ thể sống.

3.2. Trong thực tế, em không quan sát được trùng roi và vi khuẩn bằng mắt thường được. Tại vì: Trùng roi và vi khuẩn cơ thể chỉ cấu tạo từ một tế bào, tế bào có kích thước rất nhỏ.

3.3. Tế bào -> Mô -> Cơ quan -> Hệ cơ quan -> Cơ thể.

3.4. Rễ là hệ cơ quan thực hiện chức năng hút nước và muối khoáng cho cây, nếu hệ rễ bị mất đi thì hệ chồi cũng không hoạt động được và cây cà chua sẽ chết.

d) Tổ chức thực hiện: GV gợi ý, định hướng, tổ chức cho làm việc cá nhân để làm bài tập vận dụng của chủ đề, đồng thời phát triển phẩm chất, năng lực của HS.

***B1: GV chuyển giao nhiệm vụ**

- GV yêu cầu hs thực hiện nhiệm vụ học bài tập.

***B2: HS thực hiện nhiệm vụ**

- HS thực hiện nhiệm vụ. GV gợi ý và hỗ trợ, giải đáp thắc mắc (nếu cần).

***B3: GV báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- Giáo viên mời cá nhân HS trình bày từng bài tập.

***B4: GV kết luận, nhận định**

- GV đánh giá, nhận xét hoạt động học tập của học sinh

- GV chuẩn hóa kiến thức, ghi điểm những HS làm bài tốt.

- Chuyển giao nhiệm vụ học tập cho tiết học sau.

*** Giao nhiệm vụ về nhà**

- Xem lại bài ôn tập chủ đề 6,7.

- Chuẩn bị tiết sau: Bài 22: “Phân loại thế giới sống.”

Phê duyệt của nhà trường

Giáo viên giảng dạy

Lê Thị Mận